

Bản án số: 12/2021/DS-ST.

Ngày: 02-02-2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: **292/2020/TLST-DS** ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo **quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-DS** ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ; Địa chỉ: Tháp B, Số 35 Hàng V, quận K, thành phố N; **Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thế H; Chức vụ: Giám Đốc** Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M (Theo văn bản ủy quyền số 804/QĐ- N ngày 22/8/2019). Địa chỉ: Số 199 Nguyễn Tất T, thị trấn M, huyện M, tỉnh N- **có mặt.**

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D; Địa chỉ: Thôn Đức T, xã M, huyện M, tỉnh N - **vắng mặt.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Quốc B; Địa chỉ: Thôn Đức T, xã M, huyện M, tỉnh N - **vắng mặt.**

NỘI D VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thế H trình bày: Vào ngày 10/4/2019, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M với bà **Nguyễn Thị Phương D** có ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD **cho bà Nguyễn Thị Phương D** vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh vào ngày đầu tiên của

hàng quý (01/01, 01/4, 01/7, 01/10), lãi suất điều chỉnh là lãi suất niêm yết do Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn gấp 150 % lãi suất trong hạn.

- Vào ngày 19/12/2019, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ với bà Nguyễn Thị Phương D tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 02/2019/3358828/HĐTD cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng.

Về tài sản đảm bảo: Giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M với bà Nguyễn Thị Phương D và ông Lê Quốc B đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/3358828/HĐTC ngày 08/4/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2019/3358828/SĐBS ngày 08/4/2019 thỏa thuận thế chấp tài sản: Thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 11-2016 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061713 cấp ngày 19/12/2016 mang tên Lê Quốc B và Nguyễn Thị Phương D có diện tích 25706,0 m². (Đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hạn thanh toán thì bà Nguyễn Thị Phương D đã trả số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD vay ngày 10/4/2019 vay số tiền 500.000.000 đồng thì: Ngày 10/7/2019 bà D trả số tiền lãi 13.712.329 đồng; Ngày 19/7/2019 bà D trả số tiền lãi 13.863.013 đồng; Ngày 14/01/2020 bà D trả số tiền lãi 13.863.014 đồng; Ngày 04/5/2020 bà D trả tiền lãi quá hạn 1.808.219 đồng; ngày 04/5/2020 trả số tiền 17.328.767 đồng; ngày 23/7/2020 bà D trả số tiền gốc là 1.896.000 đồng; tổng cộng đối với khoản vay ngày 10/4/2019 thì bà D đã trả số tiền là 62.471.342 đồng; trong đó tiền lãi 60.575.342 đồng, tiền gốc 1.896.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/3358828/HĐTD vay ngày 19/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng thì: Ngày 27/3/2020 bà D trả số tiền lãi 1.246.575 đồng; Ngày 19/6/2020 bà D trả số tiền lãi 1.260.274 đồng; tổng cộng 2.506.849 đồng. Vì vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/4/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Nay, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch Myêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 02/02/2021 là: 613.287.038 đồng; tiền lãi trọng hạn là: 44.300.108 đồng, tiền lãi quá hạn 20.882.931 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân

hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản của bà Nguyễn Thị Phương D để thu hồi nợ.

- Theo ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc B trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 01/4/2019 ông B có ký hợp đồng ủy quyền để ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phương D thế chấp tài sản là Đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 11-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Cáp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061713 cấp ngày 19/12/2016 mang tên Lê Quốc B và Nguyễn Thị Phương D có diện tích 25706,0 m² để vay vốn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M thì ông đồng ý giao tài sản đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phương D.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội D vụ án: Áp dụng các Điều 317, 318, 322, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đức T, xã M, huyện M, tỉnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội D tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Bà Nguyễn Thị Phương D vay vốn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M, địa chỉ tại Số 199 Nguyễn Tất T, thị trấn M, huyện M, tỉnh N theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD vay ngày 10/4/2019 vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh vào ngày đầu tiên của hàng quý (01/01, 01/4; 01/7, 01/10), lãi suất điều chỉnh là lãi suất niêm yết do N thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn gấp 150 % lãi suất trong hạn và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/3358828/HĐTD vay ngày 19/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10% một năm, thời hạn cho vay là 12 tháng. Lãi suất quá hạn gấp 150 % lãi suất trong hạn.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội D thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hạn thanh toán thì bà Nguyễn Thị Phương D đã trả số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD vay ngày 10/4/2019 vay số tiền 500.000.000 đồng thì: Ngày 10/7/2019 bà D trả số tiền lãi 13.712.329 đồng; Ngày 19/7/2019 bà D trả số tiền lãi 13.863.013 đồng; Ngày 14/01/2020 bà D trả số tiền lãi 13.863.014 đồng; Ngày 04/5/2020 bà D trả tiền lãi quá hạn 1.808.219 đồng; ngày 04/5/2020 trả số tiền lãi 17.328.767 đồng; ngày 23/7/2020 bà D trả số tiền gốc là 1.896.000 đồng; tổng cộng đối với khoản vay ngày 10/4/2019 thì bà D đã trả số tiền là 62.471.342 đồng; trong đó tiền lãi 60.575.342 đồng, tiền gốc 1.896.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/3358828/HĐTD vay ngày 19/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng thì: Ngày 27/3/2020 bà D trả số tiền lãi 1.246.575 đồng; Ngày 19/6/2020 bà D trả số tiền lãi 1.260.274 đồng; tổng cộng 2.506.849 đồng. Vì vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/4/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: **530.775.233 đồng.**

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội D thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả giữa Ngân hàng và bà D, ông B theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày **xét xử ngày 02/02/2021 là 611.305.027 đồng; trong đó tiền gốc là: 530.775.233 đồng, tiền lãi trong hạn là: 16.369.863 đồng, tiền lãi quá hạn là 64.159.931 đồng.** Bà D phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 03/02/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M **với** bà D, ông B đã hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/3358828/HĐTC ngày 08/4/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2019/3358828/SĐBS ngày 08/4/2019 thỏa thuận thế chấp các tài sản gồm: Thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 11-2016 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061713 cấp ngày 19/12/2016 mang tên Lê Quốc B và Nguyễn Thị Phương D có diện tích 25706,0 m² cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD vay ngày 10/4/2019. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội D và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại khoản 2 Điều 8 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch M được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ “ Bên thế chấp vi phạm hợp đồng và ngân hàng đánh giá việc xử lý tài sản thế chấp là cần thiết để thu hồi nợ.....”

Như vậy, nếu ông B, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội D các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[3] Đối với bà D mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là: 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên bà D phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N đối với bị đơn **bà Nguyễn Thị Phương D**.

Buộc **bà Nguyễn Thị Phương D** phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N tổng số tiền tính đến ngày 02/02/2021 là **611.305.027 đồng; trong đó tiền gốc là: 530.775.233 đồng, tiền lãi trong hạn là: 16.369.863 đồng, tiền lãi quá hạn là 64.159.931 đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2021) **bà Nguyễn Thị Phương D** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2019/3358828/HĐTD vay ngày 10/4/2019 và Hợp đồng tín dụng số 02/2019/3358828/HĐTD vay ngày 19/12/2019 cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp **bà Nguyễn Thị Phương D** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N

có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 11-2016 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061713 cấp ngày 19/12/2016 mang tên Lê Quốc B và Nguyễn Thị Phương D có diện tích 25706,0 m². (Đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh N) cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/3358828/HĐTC ngày 08/4/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2019/3358828/SĐBS ngày 08/4/2019.

3. Về án phí: **bà Nguyễn Thị Phương D** phải nộp 28.452.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.490.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0003599 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự: **bà Nguyễn Thị Phương D** phải chịu chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thế Thắng